TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91 / 2018/DS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2018
V/v: tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU,TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.
Các Hội thẩm nhân dân dân :
Ông Phạm Hồng Thuận
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 Tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.
Địa chỉ hội sở: đường N, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bửu Q, sinh năm 1974 - Chức vụ: Tổng giám đốc, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quang V, sinh năm 1977 - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng B thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (văn bản ủy quyền số: 921/2017/GUQ-HĐQT, ngày 13/4/2017).
Địa chỉ: đường M, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ông Lê Quang V ủy quyền lại cho ông Trần Ngọc L, sinh năm 1981 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm TC và ông Lê Duy P, sinh năm 1988 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, phòng quản lý và thu hồi nợ, Ngân hàng B (văn bản ủy quyền số: 2224/2017/GUQ-TGĐ ngày 25/7/2017).
Địa chỉ: đường H, khóm LT A, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang (có mặt).
- *Bị đơn* : Ông Phạm Hùng L, sinh năm 1978
Bà Trần Thị N, sinh năm 1982
Cùng cư trú: ấp TL, xã TA, thị xã TC, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 Năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Bửu Q, ông Q ủy quyền cho

ông Lê Quang V, ông V ủy quyền lại cho ông Trần Ngọc L và ông Lê Duy P, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N ký hợp đồng tín dụng số: LD1514895728/2015/HĐTD.HM-MDB ngày 28/5/2015 và hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB ngày 29/5/2015, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Tân Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vào ngày 29/5/2017 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Tân Châu vào ngày 29/5/2015, ông Phạm Hùng L bà Trần Thị N ký hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn của bên vay, lãi suất 15.75%/năm. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Phạm Hùng L bà Trần Thị N còn nợ lại Ngân hàng vốn gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.668.750 (tính từ ngày 29/9/2015 đến ngảy 29/01/2016), tiền lãi quá hạn 11.974.765 (tính từ ngày 30/5/2016 đến ngày 14/6/2017) và tiền lãi chậm thanh toán 52.765 đồng (tính từ ngày 30/5/2016 đến ngảy 14/6/2017), tổng cộng: 64.696.085 đồng. Tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh (từ ngày 01/6/2017 đến ngày 14/8/2018) = 14. 472.111 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 2.383.658 đồng (từ ngày 01/6/2017 đến ngày 14/8/2018) hai khoản cộng lại = 16.855.769 đồng + 64.696085 = 81.551.854 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB ngày 29/5/2015.

Bị đơn ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L, bà N vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N là loại việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 90-95-98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về người đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Bửu Q, ông Q ủy quyền cho ông Lê Q Vu, ông Vu ủy quyền lại cho Trần Ngọc L và ông Lê Duy P, các văn bản ủy quyền được cấp có thẩm quyền xác nhận là hợp pháp nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bị đơn ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14 tháng 6 Năm 2017 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền vốn vay và lãi phát sinh, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu đòi lại tiền vay trong hợp đồng vay tài sản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

- Điều 318 Bộ luật Dân sự quy định: Tài sản thế chấp. Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp thì tài sản gắn liền với đất thuộc tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Khoản 1 Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Phạm vi hoạt động được phép của tổ chức tín dụng. Ngân hàng nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.

- Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng tín dụng.

- Khoản 1-3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b)…

[5] Ông Lê Duy P là đại diện theo ủy quyền yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền vốn gốc và lãi phát sinh, tổng cộng: 64.696.085 đồng.

[6] Ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L, bà N vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng số: LD1514895728/2015/HĐTD.HM-MDB ngày 28/5/2015 và hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB ngày 29/5/2015, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Tân Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vào ngày 29/5/2017 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Tân Châu ngày 29/5/2015, thể hiện ông L bà N có vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Phòng giao dịch Tân Châu số tiền vay vốn gốc: 50.000.000 đồng, sau khi vay vợ chồng ông L bà N không trả vốn gốc và lãi tiền lãi phát sinh. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện ông L bà N yêu cầu trả số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.668.750, tiền lãi quá hạn 11.974.765 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 52.765 đồng, tổng cộng = 64.696.085 đồng. Tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2017 đến ngày 14/8/2018 = 14.472.111 đồng và tiền lãi chậm thanh toán = 2.383.658 đồng (tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 14/8/2018) hai khoản cộng lại = 16.855769 + 64.696.085 đồng = 81.551.854 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB ngày 29/5/2015. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải có trách

nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Xét về tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng, tại hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB vào ngày 29/5/2015, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Tân Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vào ngày 29/5/2017 thể hiện ông L bà N có vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Phòng giao dịch Tân Châu số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH17904082, do UBND thị xã Tân Châu cấp ngày 25/6/2014, thửa đất số: 2157, tờ bản đồ số: 03, đất tọa lạc ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[8] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải chịu 4.077.592 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận và Ngân hàng đã tạm ứng trước số tiền 500.000 đồng, theo quy định của pháp luật thì ông L, bà N phải chịu chi phí tố tụng là 500.000 đồng và phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 318-463-466-468 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 90-95-98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do ông Trần Ngọc Lvà ông Lê Duy P là đại diện.

2. Buộc ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do ông Trần Ngọc Lvà ông Lê Duy P là đại diện, số tiền vốn và lãi tổng cộng = 81.551.854 đồng (tám mươi một triệu năm trăm năm mươi một ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

3.Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số: LD1514895728/2015/HĐTC.HM-MDB ngày 29/5/2015. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được ưu tiên thanh toán nợ khi phát mãi tài sản thế chấp ở giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N phải chịu 4.077.592 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 1.617.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự (do ông Lê Duy P đại diện nộp) tại biên lai thu số: 0012457 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận và Ngân hàng đã tạm ứng trước số tiền 500.000 đồng, theo quy định của pháp luật thì ông L, bà N phải chịu chi phí tố tụng là 500.000 đồng và phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Hùng L, bà Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
-THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On